

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2026/HNGĐ-PT

Ngày: 14/5/2026

V/v tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con
con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ái Đoan.

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Đạt.

Ông Trương Vĩnh Hữu.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:**
Ông Võ Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2025/TLPT-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2026 về việc tranh chấp "Ly hôn, nuôi con khi ly hôn".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 89/2025/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 881/2026/QĐ-PT ngày 07 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Tiền G, sinh năm 1990 (có mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp (trước đây là ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang).

- **Bị đơn:** Anh Phạm Quý H, sinh năm 1986 (có mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp (trước đây là ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tiền G trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Quý H chung sống với nhau từ năm 2011 đến năm 2012 thì ly hôn nhưng đến năm 2016 anh chị tái hợp với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Quá

trình sống chung, vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc nên chị bỏ về nhà cha mẹ ruột chị sống từ tháng 02/2022 đến nay và vợ chồng anh chị đã sống ly thân với nhau từ đó. Nay, chị nhận thấy vợ chồng anh chị đã mâu thuẫn không hàn gắn được nên chị yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng anh chị chung sống có 02 con chung tên Phạm Ngọc Thu H1, sinh ngày 24/12/2011 và Phạm Gia H2, sinh ngày 23/4/2019. Lúc đầu khi về nhà cha mẹ ruột chị sống, chị đã dẫn các con về ở cùng nhưng do thời gian đó cháu H1 đang đi học và chị phải đi làm không có người trông nom cháu H2 nên chị đưa các cháu về ở cùng anh H. Thời gian sau, anh H không cho chị đến thăm và chăm sóc con, chị chỉ liên lạc lén lút với các con qua điện thoại, lén gọi tiền về cho con. Đến khoảng tháng 9/2025, cháu H1 bị anh H đánh nên cháu mượn điện thoại của bạn điện thoại nhờ chị đến rước cháu đi. Khi chị đến rước cháu H1 thì cháu H2 khóc lóc đòi theo nên chị đưa cả hai cháu cùng về nhà cha mẹ ruột chị sống từ đó cho đến nay. Trong thời gian này, anh H đến đòi bắt các cháu về làm cho các cháu rất sợ hãi khi gặp anh H. Nay, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị đang làm công nhân, thu nhập khoảng 15 – 16 triệu đồng mỗi tháng đủ để nuôi con, sống cùng với cha mẹ ruột chị nên ông bà hỗ trợ chăm sóc các cháu trong thời gian chị đi làm, chị đã làm thủ tục chuyển trường cho các con chị về học ở gần nhà.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Quý H trình bày như sau: Anh thống nhất với lời trình bày của chị G về quá trình kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung và nguyên nhân mâu thuẫn. Thời gian mâu thuẫn và thời gian chị G bỏ đi là cuối năm 2021. Nay, chị G xin ly hôn, anh đồng ý. Về con chung, anh đồng ý giao cháu H1 cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng, anh yêu cầu được nuôi cháu H2, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu tòa án giải quyết. Anh yêu cầu nuôi cháu H2 là do trước đây khi chị G bỏ đi đã dẫn cháu theo nhưng không chịu nuôi cháu mà giao trả lại cho anh nuôi, anh đã vất vả và nuôi con vượt qua giai đoạn khó khăn khi cháu còn nhỏ tuổi, nay chị G lại bắt cháu H2 đi mà không bàn bạc, không có mặt của anh và chưa có sự thống nhất của anh nên anh không đồng ý. Đồng thời, thời gian qua, anh nuôi con, chăm lo cho con đầy đủ. Trước đây, cháu H1 lấy tiền, anh hỏi thì cháu không nói lý do, không thừa nhận, sự việc xảy ra nhiều lần nên anh nóng giận có bẻ nhánh cây xoài đánh cháu để cháu sợ, anh nghĩ cách dạy con như vậy sẽ tốt cho cháu nên làm vậy. Anh không có đánh cháu H2. Lý do cháu H2 sợ hãi, khóc lóc khi gặp anh là do cháu nghe lời xúi giục của cháu H1 và chị G.

Tại Bản án số 89/2025/HNGĐ-ST ngày 21/11/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đồng Tháp, căn cứ vào các Điều 28 và 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tiền G.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tiền G được ly hôn với anh Phạm Quý H.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Phạm Ngọc Thu H1, sinh ngày 24/12/2011 và Phạm Gia H2, sinh ngày 23/4/2019 cho chị Nguyễn Thị Tiền G trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Phạm Quý H không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Phạm Quý H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về quan hệ tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 25 tháng 11 năm 2025 bị đơn Phạm Quý H có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm giải quyết cho anh được nuôi hai con là Phạm Ngọc Thu H1 và Phạm Gia H2.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa như sau:

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án và xét yêu cầu kháng cáo của anh Phạm Quý H: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh H; Giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của anh Phạm Quý H, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” là có căn cứ, phù hợp với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét đơn kháng cáo và biên lai thu tạm ứng án phí phúc thẩm do anh Phạm Quý H nộp còn trong thời hạn và hợp lệ, đúng với quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án :

2.1. Về quan hệ hôn nhân các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị đã phát sinh hiệu lực.

2.2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Tiền G và anh Phạm Quý H chung sống có 02 con chung tên Phạm Ngọc Thu H1, sinh ngày 24/12/2011 và Phạm Gia H2, sinh ngày 23/4/2019. Chị G yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con.

Anh H đồng ý giao cháu H1 cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng, anh H2 yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H2. Tòa sơ thẩm xử giao hai con cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không đồng ý nên có đơn kháng cáo yêu cầu được nuôi hai con.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của anh Phạm Quý H:

Đối với con chung là Phạm Ngọc Thu H1, sinh ngày 24/12/2011 có bản tự khai ngày 27 tháng 9 năm 2019 và bản tự khai 17/10/2025 có ý kiến nguyện vọng được ở với mẹ nên tòa sơ thẩm giao Phạm Ngọc Thu H1 là có căn cứ pháp luật.

Đối với con chung là Phạm Gia H2, theo hai bản tự khai của Phạm Ngọc Thu H1 thì khi sống chung với anh H thì Phạm Ngọc Thu H1 và Phạm Gia H2 bị anh H đánh, chỉ có bà nội chăm sóc, anh H dạy con khi ai hỏi mẹ đâu thì nói mẹ chết rồi. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh H thừa nhận khi hai con chung sống với anh thì anh đánh nên con sợ anh, ngoài ra anh có nói với con là mẹ chết rồi để các con không đòi mẹ. Nhận thấy, sự giáo dục như vậy của anh là không phù hợp, ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của trẻ em, nên Tòa sơ thẩm Phạm Gia H2 cho chị G nuôi là có căn cứ pháp luật.

Anh Phạm Quý H kháng cáo yêu cầu được nuôi hai con chung nhưng không cung cấp thêm được chứng cứ gì mới để chứng minh nên không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm anh H phải chịu 300.000 đồng

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 293, khoản 1 Điều 308, Điều 313, và khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Phạm Quý H.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 89/2025/DS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đồng Tháp.

Căn cứ các Điều 56, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tiền G.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tiền G được ly hôn với anh Phạm Quý H.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Phạm Ngọc Thu H1, sinh ngày 24/12/2011 và Phạm Gia H2, sinh ngày 23/4/2019 cho chị Nguyễn Thị Tiền G trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Phạm Quý H không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Phạm Quý H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về quan hệ tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Tiền G phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0003223 ngày 02/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp nên xem như nộp xong án phí.

Anh Phạm Quý H phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0008982 ngày 25/11/2025 của Thi hành án dân sự Đồng Tháp nên xem như đã nộp xong án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm TANDTC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND khu vực 3 – Đồng Tháp;
- THAHNGĐ tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ái Doan